TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **263/2022/DSST**
Ngày: 28/10/2022
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Vân

2/ Bà Võ Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2022/ TLST-DS ngày 01 tháng 06 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2022/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm xxxx;
Địa chỉ: Số B, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

Bà Phạm Thị L1, sinh năm xxxx, vắng mặt

Ông Trần Văn V, sinh năm xxxx, vắng mặt
Cùng địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Vào tháng 2/2021 âm lịch bà L1 đi cùng ông Lê Hoàng T đến nhà của bà L hỏi vay tiền nên bà L có cho bà L1 vay tiền như sau: Lần 1 vào ngày 10/2/2021 âm lịch bà L1 vay số tiền 100.000.000 đồng, hẹn 06 tháng sau trả tiền. Lần 2 vào ngày 15/2/2021 âm lịch bà L1 vay 50.000.000 đồng, hẹn 04 tháng sau trả tiền. Lần 3 vào ngày 25/3/2021 âm lịch bà L1 vay 180.000.000 đồng, hẹn 04 tháng sau trả tiền. Lần 4 vào ngày 12/5/2021 âm lịch bà L1 vay 100.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau trả tiền. Lần 5 vào ngày 12/5/2021 âm lịch bà L1 vay 100.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau trả tiền. Lần 6 vào ngày 24/5/2021 âm lịch bà L1 vay 50.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau trả tiền. Lần 7 vào ngày 3/12/2021 âm lịch bà L1 vay 250.000.000 đồng, hẹn 02 tháng sau trả tiền cho bà L. Trong 07 lần vay tổng cộng số tiền là 830.000.000 đồng, có viết 07 biên nhận nợ, đều thỏa thuận lãi suất 5%/ tháng. Trong năm 2021 bà L1 có trả lãi 04 lần không nhớ thời gian cụ thể: Lần 1 trả lãi 8.000.000 đồng. Lần 2 trả lãi 4.000.000 đồng. Lần 3 trả lãi 2.000.000 đồng. Lần 4 trả lãi 6.000.000 đồng, các lần trả tiền lãi không biên nhận. Trong tháng 02 năm 2022 âm lịch bà L có nhiều lần điện thoại và gặp bà L1 đòi tiền vay, bà L1 hứa sẽ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả số tiền 830.000.000 đồng, nhưng đến nay không trả tiền. Bà L yêu cầu bà L1 cùng chồng là ông V trả bà L số tiền vay 830.000.000 đồng vì bà L1 vay số tiền về sử dụng chung gia đình. Bà L yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày bà L1 vi phạm cam kết trả tiền theo 07 biên nhận nợ, yêu cầu thực hiện trả tiền 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị L1 và ông Trần Văn V vắng mặt, không có lời trình bày.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc bà Phạm Thị L1 và ông Trần Văn V cùng có nghĩa vụ trả bà L số tiền 830.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83% tháng, kể từ ngày vi phạm cam kết trả nợ đến ngày 28/10/2022, thời gian trả tiền một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị L1, ông Trần Văn V và ông Lê Hoàng T đã được triệu tập phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L1 và ông V, căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người làm chứng Lê Hoàng T.

[2] Xét yêu cầu của bà Lê Thị L, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, chứng cứ bà L cung cấp là bản chính 07 Biên nhận nợ có chữ ký của bà Phạm Thị L1 thể hiện nội dung vay tiền giữa bà Lê Thị L và bà Phạm Thị L1, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L1 và ông V, nhưng bà L1 và ông V không đến Tòa án trình bày ý kiến của bị đơn. Bà L1 và ông V không có ý kiến phản đối về việc bà L yêu cầu trả số tiền vay 830.000.000 đồng, cũng không đưa ra chứng cứ trả tiền. Chứng tỏ bà L1 và ông V thừa nhận số tiền vay còn nợ là 830.000.000 đồng như bà L yêu cầu. Nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử kết luận bà L1 và ông V còn nợ bà L số tiền vay 830.000.000 đồng theo 07 biên nhân nợ có chữ ký của bà PhạmThị Liễu, nên theo Điều 466, 288 Bộ luật dân sự bà L1 và ông V phải có nghĩa vụ trả số tiền cho bà L.

[3] Về lãi, bà L yêu cầu tính lãi từ ngày bà L1 vi phạm cam kết trả nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy trong 07 lần vay với 07 biên nhận nợ đều có ghi thời gian cam kết trả nợ cụ thể, nhưng đến nay bà L1 và ông V chưa trả khoản tiền vay nào là vi phạm nghĩa vụ trả tiền, theo quy định Điều 357 Bộ luật dân sự, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Như vậy tiền lãi được tính từ ngày vi phạm cam kết trả tiền đến ngày xét xử sơ thẩm (28/10/2022), mức lãi suất 0,83% tháng của số tiền vay theo 07 biên nhận, cụ thể như sau:

- Biên nhận ngày 03/12/2021 âm lịch, vi phạm cam kết trả tiền ngày 06/3/2022, tiền lãi là: 250.000.000 đồng x 7 tháng, 22 ngày x 0,83% tháng = 16.046.667 đồng.

- Biên nhận ngày 25/3/2021 âm lịch, vi phạm cam kết trả tiền ngày 02/9/2021, tiền lãi là: 180.000.000 đồng x 13 tháng, 26 ngày x 0,83% tháng = 20.716.800 đồng.

- Biên nhận ngày 10/02/2021 âm lịch, vi phạm cam kết trả tiền ngày 17/9/2021, tiền lãi là: 100.000.000 đồng x 13 tháng, 11 ngày x 0,83% tháng = 11.094.333 đồng.

- Biên nhận ngày 15/02/2021 âm lịch, vi phạm cam kết trả tiền ngày 23/8/2021, tiền lãi là: 50.000.000 đồng x 14 tháng, 06 ngày x 0,83% tháng = 5.879.167 đồng.

- Biên nhận ngày 24/5/2021 âm lịch, vi phạm cam kết trả tiền ngày 03/8/2021, tiền lãi là: 50.000.000 đồng x 14 tháng, 25 ngày x 0,83% tháng = 6.155.833 đồng.

- Biên nhận ngày 12/5/2021 âm lịch (lần 1), vi phạm cam kết trả tiền ngày 22/7/2021, tiền lãi là: 100.000.000 đồng x 15 tháng, 06 ngày x 0,83% tháng = 12.616.000 đồng.

- Biên nhận ngày 12/5/2021 âm lịch (lần 2), vi phạm cam kết trả tiền ngày 22/7/2021, tiền lãi là: 100.000.000 đồng x 15 tháng, 06 ngày x 0,83% tháng = 12.616.000 đồng.

Tổng cộng lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 85.124.800 đồng.

Do bà L1 và ông V vi phạm nghĩa vụ của bên vay, nên bà L yêu cầu bà L1 và ông V phải trả toàn bộ tiền vay và lãi khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu của bà L được chấp nhận toàn bộ, nên bà L1 và ông V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 357, 288 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

Buộc bà Phạm Thị L1 và ông Trần Văn V có nghĩa vụ trả bà Lê Thị L số tiền 915.124.800 *(Chín trăm mười lăm triệu một trăm hai mươi bốn ngìn tám trăm)* đồng (Gồm vốn vay 830.000.000 đồng, lãi 85.124.800 đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị L cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Phạm Thị L1 và ông Trần Văn V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị L1 và ông Trần Văn V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 39.453.500 đồng. Bà Lê Thị L không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền 14.375.000 đồng theo biên lai thu số 0007904 ngày 30/5/2022, số tiền 7.187.500 đồng theo biên lai thu số 0007903 ngày 30/5/2022 của Chi cục thi hành án huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ
- Chi cục THA DS huyện GCĐ
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng